TOÀ ÁN NHÂN DÂN **A - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày: 07 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN A - HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kiều Đăng Cường – Nguyên cán bộ phòng giáo dục huyện Thạch Thất.

Bà Nguyễn Thị Mai – Cán bộ hưu trí Hội phụ nữ huyện Thạch Thất.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký, Toà án nhân dân A – Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân A - Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân A - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2025/TLST - HS ngày 24 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

N, sinh năm 2006 tại xã Phúc Thọ (cũ là xã Phụng Thượng), thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT và cư trú: PT (cũ là xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ), thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; con ông Dương Văn Thọ và bà Nguyễn Thị Sâm; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 998 do Công an thành phố Hà Nội lập ngày 07/8/2025; tạm giữ, tạm giam: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* *Bị hại*: Chị Q, sinh năm 2007; trú tại: Thôn TK, xã QO (cũ là xã Sài Sơn, huyện QO), thành phố Hà Nội. Có đơn xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Chị T, sinh ngày 09/12/2010; trú tại: B (cũ là xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ), thành phố Hà Nội. Có đơn xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của chị T: Ông Đỗ Văn Tam và bà Nguyễn Thị Khuyên (là bố mẹ của chị T); địa chỉ: B (cũ là xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ),

thành phố Hà Nội. Ông Tam có mặt.

* Người làm chứng:

- Chị Q, sinh ngày 25/12/2007; địa chỉ: Thôn Bình Xá, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của chị Q: Ông Nguyễn Văn Lội và bà Nguyễn Thị Oanh (là bố mẹ đẻ của chị Q); địa chỉ: Thôn Bình Xá, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/5/2025, chị Q sinh năm 2007 ở thôn TK, xã QO, thành phố Hà Nội và chị Q, sinh năm 2007 ở thôn Bình Xá, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội đến bể bơi Đồng Lạc ở thôn Thanh Câu, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội để bơi. Khi Q và Q bơi được một lúc thì đi ra chỗ để xe của bể bơi nghỉ ngơi và xem điện thoại. Sau đó Q xuống bể bơi trước và đưa điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng của Q cho Q để Q cất vào cốp xe. Q cầm điện thoại soi gương rồi để điện thoại trên yên xe mô tô của Q mà không cất vào cốp, rồi Q tiếp tục xuống bể bơi. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, N, sinh năm 2006 ở PT, thành phố Hà Nội và T, sinh năm 2010 ở B, thành phố Hà Nội đi bơi xong ra chỗ để xe, T nhìn thấy trên yên xe mô tô của Q có chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 nên đã nói với N "Có 01 chiếc điện thoại của ai đó bỏ quên". Lúc này, N nảy sinh ý định lấy chiếc điện thoại trên nên nói với T: "Cầm lấy anh xem". T lấy chiếc điện thoại đưa cho N, N mở cốp xe mô tô biển kiểm soát 29V7-007.09 của T và cất điện thoại vào trong cốp xe. Sau đó, T và N lên xe ra về. Khi về đến nhà của T thì N và T lấy điện thoại vừa lấy được ra nhập mật khẩu để mở máy nhưng không được. Sau đó N cất giữ điện thoại trên, đến ngày 02/6/2025 do không mở được máy nên N và T định trả lại chiếc điện thoại nhưng chưa liên lạc được với người bị mất. Ngày 03/6/2025 Q có đơn trình báo Công an xã Lại Thượng (nay là công an xã Thạch Thất), thành phố Hà Nội. Ngày 04/6/2025 Công an xã Lại Thượng triệu tập N và T đến làm việc. Tại cơ quan Công an N đã giao nộp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng đã qua sử dụng, 01 chiếc sim điện thoại số 034.224.8046, 01 chiếc ốp điện thoại bằng nhựa, màu hồng – trắng có hình mèo hello Kitty và Cơ quan công an thu giữ 01 đoạn video camera an ninh tại khu để xe bể bơi Đồng Lạc dài 02 phút 23 giây ghi nhận hành vi trộm cắp tài sản của N và T.

Tại kết luận định giá tài số 41/KL-HĐĐG ngày 11/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thất kết luận:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu hồng, dung lượng 128GB Imei: 356323453812162 (đã qua sử dụng) có giá trị tham khảo bình quân tại thời điểm ngày 06/6/2025 là 7.380.000 đồng.

01 chiếc sim điện thoại số 0342248046 của nhà mạng Viettel có giá trị tham khảo bình quân tại thời điểm ngày 06/6/2025 là 25.000 đồng.

01 chiếc ốp điện thoại bằng nhựa, màu hồng – trắng có hình mèo hello Kitty có giá tham khảo bình quân tại thời điểm ngày 06/6/2025 là 160.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên là 7.565.000 đồng (Bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSKV10 ngày 22/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân A – Hà Nội truy tố bị cáo N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu. Do khi thấy T nói có điện thoại của ai để quên nên bị cáo nảy sinh lòng tham lấy điện thoại cất vào cốp xe mang về nhà T tìm cách mở mật khẩu và cất giữ ở nhà bị cáo. Sau khi không mở mật khẩu được bị cáo đã liên lạc với bị hại để trả lại nhưng chưa kịp trả lại thì bị phát hiện. Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ nhất hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sữa chữa lỗi lầm của mình.

Bị hại là chị Q vắng mặt tại phiên tòa có đơn xét xử vắng mặt với nội dung: Chị đã nhận lại được số tài sản bị trộm cắp, việc bị cáo N có hành vi trộm cắp tài sản của chị cũng do một phần lỗi của chị và chị Q sơ xuất trong khi quản lý tài sản. Do đó nay chị không đề nghị bị cáo N hay T phải bồi thường dân sự gì cho chị. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ nhất hình phạt cho bị cáo N để bị cáo N có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân A – Hà Nội trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố N về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiện dân sự: Do bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân A – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và đến thời điểm tòa án xét xử thì bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp vật chứng vụ án, bản kết luận định giá, lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do hám lợi nên khoảng 16 giờ 30 phút ngày 30/5/2025 tại khu để xe của bể bơi Đồng Lạc ở thôn Thanh Câu, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Bị cáo N và T lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Q nên đã lén lút lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng trị giá 7.565.000 đồng của chị Q và mang về nhà cất giữ. Như vậy, hành vi của N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân A - Hà Nội truy tố bị cáo N theo tội danh và viện dẫn điều luật là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong nhân dân. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tặng nặng: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại đã nhận được tài sản và có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ nhất hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Mặt khác, xét về nguyên nhân dẫn đến vụ án này bị hại cũng có một phần trách nhiệm trong việc quản lý và trông giữ tài sản nên đã dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ

luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dục giáo dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và trở thành người tốt.

[4]. Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy bị cáo N là lao động tự do, công việc không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5]. Đối với T có hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo N nhưng khi thực hiện hành vi trộm cắp T mới 14 tuổi 5 tháng 21 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Công an xã Thạch Thất đã ra quyết định xử phạt hành chính số 22/QĐ-XPHC ngày 01/10/2025 bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận được toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng cùng 01 sim điện thoại số 034.224.8046 và 01 chiếc ốp điện thoại bằng nhựa, màu hồng – trắng có hình mèo hello Kitty. Cơ quan điều tra công an xã Thạch Thất đã trả lại cho bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo những vấn đề liên quan của bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **N** 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội giáo dục, Công an xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội giám sát trong thời gian thử thách của án treo (Theo khoản 4, khoản 5 Điều 10 Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/02/2025 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao).

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách,

người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND A – Hà Nội;
- CQTHA HS CA TP Hà Nội;
- Phòng THADS A – Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trí Tuân